

# VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỌC TẬP TRẢI NGHIỆM CỦA JOHN DEWEY TRONG TỔ CHỨC DẠY HỌC HỌC PHẦN GIÁO DỤC HỌC Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC THEO MÔ HÌNH LỚP HỌC ĐẢO NGƯỢC

APPLICATION JOHN DEWEY'S THEORY OF EXPERIENTIAL LEARNING IN TEACHING AN EDUCATION COURSE ACCORDING TO THE FLIPPED CLASSROOM MODEL AT TERTIARY LEVEL

Nguyễn Thị Thu Trang<sup>1,2,+</sup>,  
Phan Gia Anh Vũ<sup>3</sup>,  
Ngô Anh Tuấn<sup>3</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Đồng Nai; <sup>2</sup>Nghiên cứu sinh Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh;

<sup>3</sup>Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh;  
+ Tác giả liên hệ • Email: trangntt.ncs@hcmute.edu.vn

## Article history

Received: 12/12/2025

Accepted: 05/02/2026

Published: 20/4/2026

## Keywords

John Dewey, experiential learning, pedagogy course, flipped classroom model, university

## ABSTRACT

Dewey's educational thought is among the most coherent philosophical frameworks for explaining the Flipped Classroom model, not as a forced association but as a natural alignment. The research findings indicate that approaching the flipped classroom model from John Dewey's educational philosophy contributes to expanding the theoretical framework of this model, offering a fresh perspective that both inherits classical educational values and meets the requirements of contemporary instructional innovation. Based on an analysis of Dewey's experiential learning philosophy, the article clarifies the "compatibility" between this philosophy and the defining characteristics of the flipped classroom model in higher education teaching. Accordingly, the authors propose a teaching process for the Educational Studies course following the flipped classroom model grounded in John Dewey's experiential learning philosophy. This process is structured into three stages: pre class, in class, and post class with illustrative examples. This process provides a theoretical orientation to support lecturers in designing instructional activities that promote student engagement and experiential learning.

## 1. Mở đầu

Đổi mới phương pháp và hình thức dạy học trở thành một yêu cầu tất yếu để đáp ứng tiêu chí đào tạo trong bối cảnh hiện nay. John Dewey (1859-1952) là người khởi xướng trào lưu Tân giáo dục và triết lý thực dụng cung cấp nền tảng vững chắc cho các mô hình dạy học tích cực hiện đại (Dewey, 2008, 2012; Archambault, 2012; Brameld, 1955; Broudy, 1961). Tại Việt Nam, trong bối cảnh CNH, HĐH đất nước, nền giáo dục đòi hỏi phải đổi mới toàn diện (Ban Chấp hành Trung ương, 2013). Việc rèn luyện kỹ năng sư phạm (thiết kế bài giảng, quản lý lớp) trong học phần Giáo dục học đáp ứng yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (Bộ GD-ĐT, 2018). trong đó chú trọng giáo dục trải nghiệm - một định hướng có nhiều điểm tương đồng với tư tưởng của Dewey. Nhiều nghiên cứu trong nước đã tiếp cận và thảo luận về các khía cạnh triết lý giáo dục của Dewey (Nguyễn Hoàng Đoàn Huy và Bùi Thanh Diệu, 2017; Phan Trọng Ngọc và Lê Minh Nguyệt, 2018). Tuy nhiên phần lớn mới dừng ở mức tổng quan, chưa đi sâu phân tích và vận dụng vào bối cảnh thực tiễn hiện nay. Đặc biệt, trong môi trường giáo dục đại học, yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học ngày càng cấp thiết nhằm phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo của người học. Mô hình lớp học đảo ngược (LHĐN) (Flipped Classroom) nổi lên như một phương thức dạy học hiện đại, tương thích với nhiều tư tưởng cốt lõi của Dewey về học tập dựa trên trải nghiệm (Bishop và Verleger, 2013; Ettien, 2023). Xuất phát từ thực tiễn đó, bài báo này tập trung phân tích cơ sở lý luận của John Dewey về tư tưởng học tập trải nghiệm cho mô hình LHĐN và đề xuất quy trình vận dụng tư tưởng học tập trải nghiệm của Dewey trong tổ chức dạy học học phần Giáo dục học tại trường đại học theo mô hình LHĐN.

## 2. Kết quả nghiên cứu

### 2.1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp hỗn hợp (mixed - method) gồm: Khảo cứu tài liệu cùng nhiều nguồn khác nhau như sách, tạp chí, luận án và các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu; thu thập các văn bản, chương trình đào tạo, đề cương chi tiết, các thông tin tổng quan tại trường đại học; Phòng vấn bán cấu trúc: thực hiện với một số sinh viên (SV) và giảng viên nhằm khám phá sâu hơn các phản hồi, cảm nhận và đề xuất cải tiến mô hình liên quan đến việc triển khai mô hình; Quan sát lớp học: thực hiện trong các tiết học thực nghiệm quy trình đề xuất, nhằm ghi nhận biểu hiện thực tế của SV và giảng viên trong quá trình tổ chức dạy học. Dữ liệu quan sát được sử dụng như minh chứng bổ trợ để đảm bảo tính vững chắc của kết luận.

Việc lựa chọn các phương pháp trên xuất phát từ đặc trưng của nghiên cứu vừa mang tính lí luận vừa gắn với thực tiễn triển khai mô hình dạy học ở đại học, đồng thời tăng độ tin cậy của kết luận thông qua đối chiếu và kiểm chứng nhiều nguồn dữ liệu.

### 2.2. Tư tưởng giáo dục của John Dewey về định hướng học tập trải nghiệm

Dewey coi giáo dục như một môi trường thực tiễn để thử nghiệm các ý tưởng triết học. Những trải nghiệm trong lớp học cung cấp dữ liệu để các triết gia phân tích và điều chỉnh lí thuyết. Những kết quả này giúp các nhà triết học giáo dục như Dewey đánh giá tính hiệu quả của lí thuyết thực dụng trong việc thúc đẩy học tập (Wild, 1955). Học bằng cách làm và dân chủ triết học giáo dục của Dewey xoay quanh hai nguyên tắc cốt lõi: “học bằng cách làm” và giáo dục như một quá trình dân chủ. Ông cho rằng HS học tốt nhất khi được tham gia vào các hoạt động thực tiễn, có ý nghĩa, và liên quan đến đời sống thực. Đồng thời, lớp học phải là một “nền dân chủ nhỏ” (miniature democracy), nơi HS học cách hợp tác, tôn trọng sự đa dạng, ra quyết định chung (Butler, 1968). Dewey nhấn mạnh rằng giáo dục phải dựa trên nhu cầu và sở thích của HS, thay vì áp đặt một chương trình cứng nhắc. Giảng viên đóng vai trò như người hướng dẫn, giúp HS khám phá tri thức thông qua các dự án thực tiễn, thay vì chỉ truyền đạt thông tin. Điều này đảm bảo rằng giáo dục không chỉ là sự chuẩn bị cho tương lai mà còn là một trải nghiệm sống động, có ý nghĩa ngay trong hiện tại.

Lí thuyết kinh nghiệm của Dewey nhằm giải quyết việc hiểu rõ bản chất của kinh nghiệm và xây dựng được triết lí giáo dục dựa vào kinh nghiệm đó (Dewey, 2012). Theo Dewey, kinh nghiệm là các hành động có tính thử nghiệm, thực nghiệm của cá nhân trong những tình huống nhất định, dẫn đến thay đổi bên trong của cá nhân (Dewey, 2008). Theo ông, kinh nghiệm gồm hai mặt gắn bó mật thiết: Mặt chủ động (bên ngoài), tức hành động; và mặt thụ động (bên trong), tức sự thay đổi. Dewey xem phản tư (reflection) hay tư duy phản tư là cốt lõi của kinh nghiệm và là tiêu chí nhận diện chính; một hành động không phản tư sẽ không mang lại sự thay đổi ở chủ thể, do đó không phải là kinh nghiệm (Dewey, 2008). Phản tư là sự “phóng chiếu” của tư duy vào hành động, dẫn dắt hành động đi sâu, khám phá những kinh nghiệm đã có trước đó của chủ thể và hướng tới đối tượng, khám phá đối tượng; liên kết chúng với kinh nghiệm hiện tại, từ đó kết cấu lại cái đã có của chủ thể, hình thành kinh nghiệm mới. Kinh nghiệm là hành động có tính thử nghiệm dẫn đến sự thay đổi bên trong cá nhân và nhấn mạnh vai trò của phản tư như là tiêu chí nhận diện chính của kinh nghiệm và là quá trình tư duy cấp cao. Điều này sẽ trực tiếp liên kết với giai đoạn sau giờ học, là nơi diễn ra sự phản tư và ứng dụng kiến thức (Dewey, 1938; Phan Trọng Ngọ và Lê Minh Nguyệt, 2018). Sự phát triển của cá nhân chính là quá trình mở rộng, làm giàu kinh nghiệm sống (Dewey, 2008, 2012). Tăng trưởng hình thành qua hoạt động và tạo thành thói quen trí tuệ, dẫn dắt sự phát triển liên tục của cá nhân (Dewey, 2008).

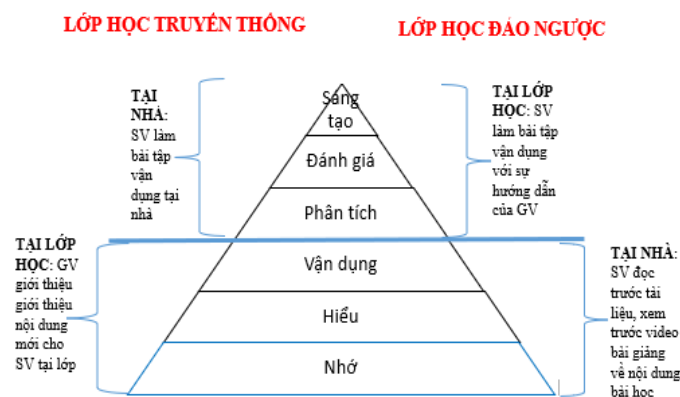
Tư tưởng giáo dục của Dewey được xem là nền tảng quan trọng cho các tiếp cận mô hình dạy học tích cực. Dewey (2008) nhấn mạnh rằng giáo dục là một quá trình xã hội hóa, giúp người học phát triển qua sự tham gia tích cực. Triết lí giáo dục của Dewey, được xây dựng trên nền tảng của chủ nghĩa thực dụng (pragmatism), đã tạo ra một cuộc cách mạng trong tư duy sự phạm thế kỉ XX (Dewey, 1921; Broudy, 1961). Tiếp đó, trong kinh nghiệm và giáo dục, ông khẳng định rằng giáo dục hiệu quả phải dựa trên kinh nghiệm của người học đồng thời khuyến khích họ phản tư và tái cấu trúc tri thức (Dewey, 1938, 2012). Ông định nghĩa giáo dục như một “quá trình tái tạo lại liên tục những kinh nghiệm” nhằm gia tăng ý nghĩa của những kinh nghiệm đó và nâng cao năng lực để định hướng cho quá trình trải nghiệm tiếp theo (Dewey, 2008; Archambault, 2012).

Từ quan niệm nền tảng này, ba trụ cột cơ bản (học qua trải nghiệm, GV là người hướng dẫn, lớp học dân chủ) trong triết lí giáo dục của Dewey có thể được khái quát làm cơ sở lí thuyết cho các mô hình dạy học hiện đại, trong đó có mô hình LHDN: (1) Nguyên lí “Học qua trải nghiệm”, việc học chỉ thực sự có ý nghĩa khi nó được hình thành thông qua quá trình tương tác tích cực với môi trường, thông qua các hoạt động thực tiễn và giải quyết các vấn đề có thực (Dewey, 1921; Rusk, 1956; Kolb, 1984). Trong đó, “kinh nghiệm” (experience) đóng vai trò trung tâm, không

chỉ là kết quả của hành động mà là sự kết nối hữu cơ giữa hành động và hậu quả của nó, giữa thử nghiệm và sự phản ánh. Quá trình này tạo nên một vòng lặp liên tục: Trải nghiệm → Phản ánh → Kiến tạo tri thức mới → Trải nghiệm mới (Nguyễn Hoàng Đoàn Huy và Bùi Thanh Diệu, 2017; Nguyễn Thị Hằng, 2017); (2) *Vai trò của GV như một “người hướng dẫn”*. Trong mô hình của Dewey, GV không còn là “nhà hiền triết trên bục giảng” mà đóng vai trò là người thiết kế môi trường học tập, người hướng dẫn, khơi gợi và kích thích sự tìm tòi, khám phá của người học (Broudy, 1961; Butler, 1968); (3) *Lớp học như một cộng đồng dân chủ thu nhỏ*. Dewey quan niệm nhà trường phải là một hình mẫu của đời sống xã hội và dân chủ (Brameld, 1955). Do đó, lớp học cần trở thành một môi trường nơi SV được trải nghiệm các nguyên tắc dân chủ thông qua làm việc nhóm, đối thoại, tôn trọng sự đa dạng và cùng nhau giải quyết các vấn đề chung. Ba trụ cột này đã đặt nền tảng cho sự phát triển của các mô hình dạy học tích cực trong giáo dục đương đại. Đặc biệt, mô hình LHDN kế thừa tinh thần Dewey khi đề cao vai trò chủ động, trải nghiệm, hợp tác và phản tư của SV (Bishop và Verleger, 2013; O’Flaherty và Phillips, 2015; Betihavas và cộng sự, 2016; Tune và cộng sự, 2013).

### 2.3. Mô hình Lớp học đảo ngược

Mô hình LHDN là một phương pháp dạy học mới được thiết kế nhằm tái cấu trúc lại mối quan hệ giữa thời gian học tập trong và ngoài lớp học so với phương pháp truyền thống, giúp tối ưu hóa thời gian học tập trên lớp (Baker, 2000; Bishop và Verleger, 2013). Mô hình này gồm hai phần chính: hoạt động học tập tương tác theo nhóm trong lớp và hoạt động học cá nhân dựa trên máy tính ngoài lớp học. Trong LHDN, vai trò của giảng viên từ người truyền đạt kiến thức sang người hướng dẫn, hỗ trợ học tập cá nhân hóa (King, 1993; Bergmann và Sams, 2012). SV phải chủ động xem trước các bài giảng được cung cấp trực tuyến, thực hiện các bài tập, nghiên cứu tại nhà. Điều này nhấn mạnh vai trò tự quản lý quá trình học tập thông qua ba giai đoạn: lập kế hoạch, thực hiện và phản hồi, phù hợp lý thuyết học tập Tự điều chỉnh. Thời gian trên lớp học sẽ được dành cho các hoạt động học tập giúp người học nâng cao khả năng làm chủ các kỹ năng thông qua làm bài tập, làm việc nhóm với sự hỗ trợ và hướng dẫn của giảng viên, tăng cường động lực, tư duy phản biện, năng lực tự học và kết quả học tập của người học (Lee và Park, 2016; Đỗ Tùng và Hoàng Công Kiên, 2020; Phạm Thị Huyền, 2022). Mô hình học trải nghiệm (Kolb, 1984) được phát triển dựa trên nền tảng triết học cốt lõi của Dewey về trải nghiệm và phản tư, sự chuyển đổi kinh nghiệm thành các hành động ý nghĩa (Dewey, 1938). Theo Kolb tiến trình học được diễn tiến qua bốn pha học tập sau: trải nghiệm, suy tư, hình thành khái niệm hóa, trải nghiệm tích cực. SV có thể được yêu cầu phân tích các tình huống thực tiễn, sau đó phản ánh, rút kinh nghiệm và vận dụng vào những tình huống tương tự (Đỗ Tùng và Hoàng Công Kiên, 2020; Phạm Thị Huyền, 2022; Phạm Thu Trang và Phạm Việt Ngọc, 2022). Cơ sở của mô hình LHDN dựa trên sáu bậc thang đo nhận thức của Bloom cải tiến. Mô hình này thực hiện sự “đảo ngược” bằng cách chuyển ba mức độ nhận thức cơ bản (ghi nhớ, thông hiểu, vận dụng) sang việc tự học ở nhà nhờ các bảng ghi hình hướng dẫn của giảng viên. Nhờ vậy, thời gian trên lớp được giải phóng để tập trung vào các mức độ nhận thức cao hơn như phân tích, đánh giá và sáng tạo (Phạm Hoàng Khánh Linh và Phạm Hoàng Tú Linh, 2022).



Hình 1. So sánh giữa lớp học truyền thống và LHDN trong phân bậc nhận thức Bloom cải tiến (Marks, 2015)

#### **2.4. Vận dụng tư tưởng học tập trải nghiệm vào thiết kế mô hình Lớp học đảo ngược**

Trong giáo dục đại học, mô hình LHDN được định hình như một phương thức dạy học lấy người học làm trung tâm, chuyên tải nội dung cơ bản ra ngoài lớp học để dành thời gian trên lớp cho hoạt động tương tác. Bishop và Verleger (2013) khẳng định mô hình này gắn liền với lý thuyết kiến tạo và học tập tích cực. Stoller (2015) chỉ ra mối liên hệ trực tiếp giữa LHDN và tinh thần dân chủ hóa giáo dục mà Dewey đã đề xuất. Ở góc độ lý thuyết, Ettien (2023) cho rằng mô hình này phản ánh rõ nét tư tưởng học tập qua trải nghiệm và sự tham gia chủ động của SV.

Mô hình LHDN, với cấu trúc đảo ngược các hoạt động học tập truyền thống, không đơn thuần là một đổi mới về mặt kỹ thuật sư phạm, mà khi được soi chiếu dưới lăng kính của triết lý Dewey, hiện lên như một hiện thân đương đại của các nguyên lý giáo dục tiến bộ này (Dewey, 1921). Sự tương thích giữa mô hình và tư tưởng Dewey được thể hiện qua các giai đoạn then chốt: Giai đoạn chuẩn bị ở nhà, là sự tiếp nhận kiến thức ban đầu theo nhịp độ cá nhân. Việc người học tự nghiên cứu tài liệu, xem video bài giảng trước ở nhà có thể được xem như bước đầu tiên trong quá trình “trải nghiệm”. Ở đây, người học chủ động tiếp cận nguồn tri thức, tự điều chỉnh nhịp độ, chuẩn bị những thắc mắc và vấn đề của riêng mình. Điều này phù hợp với tinh thần tôn trọng tính chủ thể và sự khác biệt của mỗi cá nhân trong học tập của Dewey. Giai đoạn trên lớp, là không gian cho “học bằng cách làm” và “phản ánh”. Thời gian trên lớp được giải phóng hoàn toàn để trở thành “phòng thí nghiệm” cho các hoạt động học tập tích cực, sâu hơn theo đúng tinh thần Dewey. Đây là nơi diễn ra các hoạt động thảo luận, làm dự án, thực hành, giải quyết các vấn đề phức hợp dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giảng viên và sự cộng tác của bạn bè (Wild, 1955; Rusk, 1956). Chính trong giai đoạn này, kiến thức thụ động tiếp nhận được ở nhà được “tái tạo lại” thông qua trải nghiệm ứng dụng, trở thành tri thức sống động và có ý nghĩa. Vai trò của giảng viên theo đó cũng thay đổi: từ người truyền thụ sang người thiết kế hoạt động, người cố vấn và hỗ trợ (Broudy, 1961; Butler, 1968).

Mô hình còn tạo điều kiện cho sự hình thành cộng đồng học tập dân chủ. Các hoạt động nhóm và tương tác trên lớp trong mô hình LHDN thúc đẩy mạnh mẽ sự hợp tác, giao tiếp và chia sẻ giữa các người học (Brameld, 1955; Butler, 1968). Không gian lớp học trở thành một “cộng đồng thu nhỏ” nơi người học cùng nhau khám phá tri thức, thảo luận các quan điểm đa chiều và cùng nhau xây dựng nên hiểu biết chung. Điều này phản ánh rõ nét tư tưởng về giáo dục như một quá trình xã hội và dân chủ của Dewey. Các nghiên cứu thực nghiệm cũng khẳng định hiệu quả của mô hình (Tune và cộng sự, 2013; Betihavas và cộng sự, 2016; O’Flaherty và Phillips, 2015).

#### **2.5. Thiết kế quy trình dạy học phần Giáo dục học theo mô hình lớp học đảo ngược dựa trên tư tưởng học tập trải nghiệm của John Dewey**

##### **2.5.1. Đặc trưng học phần Giáo dục học**

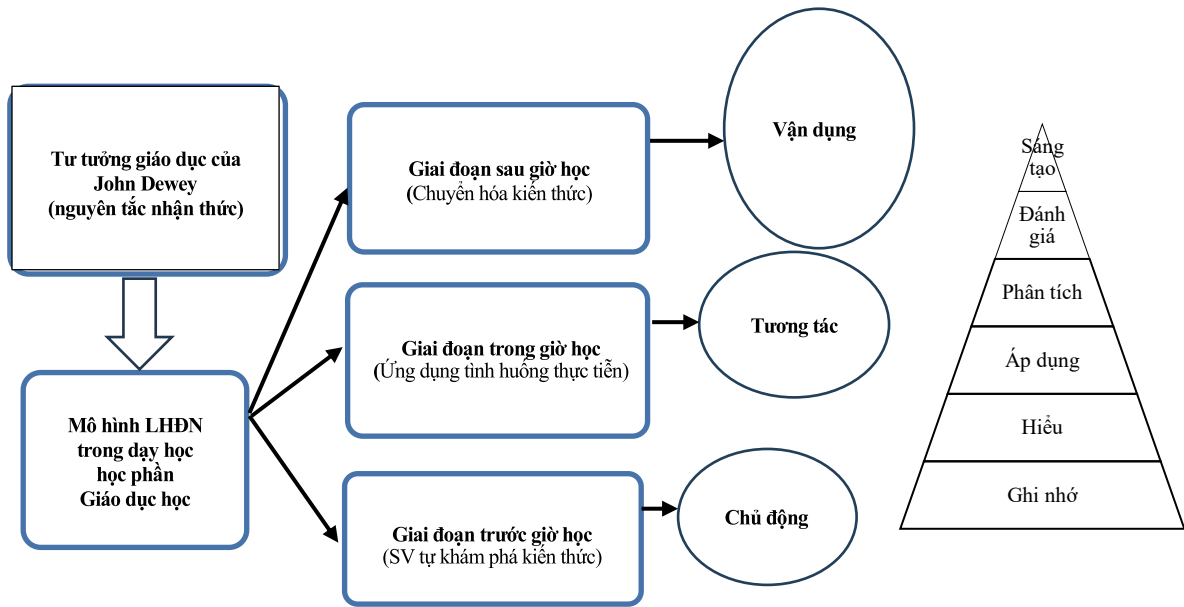
Giáo dục học là học phần giúp SV rèn luyện kỹ năng thiết kế bài giảng, tổ chức hoạt động dạy học, quản lý lớp học và đánh giá HS - những năng lực cốt lõi để đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (Trần Thị Tuyết Oanh, 2011). Việc xác định mục tiêu dạy học cần phải dựa trên chuẩn đầu ra của môn học (CLOs), nhằm nhấn mạnh khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn và phát triển các kỹ năng sư phạm thiết yếu (Nguyễn Thanh Thùy, 2022).

*Đặc trưng nội dung học phần Giáo dục học* : cung cấp những kiến thức chung về giáo dục, lý luận về dạy học và lý luận về giáo dục (Thái Duy Tuyên, 2001 và 2010; Đặng Ánh Hồng và cộng sự, 2023). Tại các trường đại học sư phạm, học phần Giáo dục học thường được chia thành hai phần dạy cho SV năm thứ nhất và thứ hai: Giáo dục học đại cương (thường 30 tiết, học kì I) và Giáo dục học 2 (Lý luận dạy học và lý luận giáo dục) (thường 30 tiết, học kì II). Học phần này tập trung vào vận dụng, giải quyết tình huống giáo dục, đóng vai sư phạm, thảo luận nhóm và phân tích các vấn đề thực tiễn ở trường phổ thông (Doãn Ngọc Anh, 2019).

*Sự phù hợp của việc ứng dụng tư tưởng giáo dục của Dewey trong mô hình LHDN vào giảng dạy học phần Giáo dục học* : Giai đoạn ở nhà: được lý giải như bước tiếp nhận và chuẩn bị kinh nghiệm ban đầu một cách chủ động, cá nhân hóa và tôn trọng tính chủ thể và sự khác biệt của mỗi cá nhân trong học tập, cần loại bỏ các phương pháp dạy học chỉ đòi hỏi khả năng nhớ và học thuộc lòng (Dewey, 2016). Giai đoạn trên lớp: như không gian cho trải nghiệm ứng dụng và phản ánh là nơi hiện thực hóa nguyên lý “học bằng cách làm” dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Mô hình LHDN cho giảng dạy học phần Giáo dục học : Giai đoạn trước giờ học: SV chủ động tiếp cận nguồn tri thức, chuẩn bị những thắc mắc và vấn đề của riêng mình. Giai đoạn trong giờ học: dành cho các hoạt động học tập tích cực, sâu hơn, dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Mô hình tạo điều kiện hình thành cộng đồng học tập thông qua hoạt động nhóm, thảo luận, hợp tác giải quyết vấn đề trên lớp.

2.5.2. Quy trình áp dụng mô hình lớp học đảo ngược cho bài giảng học phần Giáo dục học dựa trên tư tưởng John Dewey

Việc tích hợp triết lý Dewey và mô hình LHDN cho bài giảng môn Giáo dục học mang ý nghĩa chiến lược. Cách tiếp cận này, đáp ứng được chuẩn đầu ra của chương trình môn học. Để hiện thực hóa mục tiêu này, mô hình LHDN dựa trên tư tưởng Dewey được đề xuất cấu trúc gồm ba giai đoạn: (1) Giai đoạn trước giờ học: SV tự khám phá và xây dựng kiến thức. SV cần được tham gia tích cực vào việc giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn của cuộc sống và phải đối diện với các thách thức nhận thức; (2) Giai đoạn trong giờ học: ứng dụng, khắc sâu kiến thức trên lớp. Giảng viên là người hướng dẫn và tổ chức các hoạt động tương tác và cung cấp thêm kiến thức chuyên sâu. SV chủ động tham gia các hoạt động học tập tích cực; (3) Giai đoạn sau giờ học: mở rộng kiến thức, giảng viên tiếp tục hỗ trợ và cung cấp phản hồi, giải đáp thắc mắc cho SV về nội dung đã học (hình 2).



Hình 2. Sơ đồ quy trình vận dụng tư tưởng học tập trải nghiệm của John Dewey trong tổ chức dạy học học phần Giáo dục học theo mô hình LHDN

Ví dụ minh quy trình vận dụng tư tưởng học tập trải nghiệm của John Dewey trong tổ chức dạy học học phần “Lí luận dạy học và giáo dục ở tiểu học” theo mô hình LHDN:

Mục tiêu bài học (CLOs): Trình bày và giải thích được các thành tố cơ bản và các lí thuyết học tập của quá trình dạy học và giáo dục ở tiểu học (CLO 1 - Hiểu); Thiết kế các nhiệm vụ học tập trong đó HS tiến hành các hành động học tập tích cực (CLO7 - Phân tích); Áp dụng các phương pháp dạy học và giáo dục cơ bản một cách linh hoạt trong quá trình hình thành năng lực và phẩm chất cho HS (CLO8 - Áp dụng).

🏠 Trước lớp học (Pre - Class)	🎒 Trên lớp học (In - Class)	🏠 Sau lớp học (Post - Class)
- Xem video 7 phút: Thành tố và lí thuyết học tập của quá trình dạy học và giáo dục ở cấp tiểu học - Đọc 2 trang giáo trình + 1 Infographic - Làm Quiz + viết phản hồi trên Padlet	- Thảo luận nhóm: Thảo luận các thành tố - học tập tích cực - Trình bày sản phẩm: Thực hiện 1 phương pháp dạy học tích cực - Kết luận bằng sơ đồ hóa phương pháp dạy học tích cực đã sử dụng	- Bài tập: Nhận diện bản chất của phương pháp dạy học tích cực của GV - Nộp bài trên Google Classroom - Hạn nộp: sau 2 ngày

3. Kết luận

Nghiên cứu khẳng định việc vận dụng tư tưởng học tập trải nghiệm của John Dewey trong tổ chức dạy học học phần Giáo dục học theo mô hình LHDN không chỉ là giải pháp kĩ thuật dạy học mà là sự chuyển dịch hệ tư tưởng giáo dục từ giáo dục áp đặt sang giáo dục kiến tạo thông qua trải nghiệm, dựa trên nguyên lí “dựa vào người học, do người học và vì người học”, đòi hỏi người học chủ động trải nghiệm và kết nối kiến thức, thực hành và vận

dụng vào tình huống trong thực tiễn, là cốt lõi của triết lý của Dewey. Mặt khác, mô hình góp phần tái cấu trúc quan hệ dạy và học, đề cao vai trò chủ động và tự giác của SV nhằm nâng cao chất lượng đào tạo trong bối cảnh Việt Nam. Tuy nhiên, nghiên cứu mới dừng lại ở phân tích lý luận và thử nghiệm trong phạm vi nhất định, vì vậy các nghiên cứu tiếp theo cần mở rộng quy mô khảo sát, đa dạng hóa bối cảnh triển khai và đánh giá sâu hơn tác động của mô hình đối với kết quả học tập và năng lực nghề nghiệp của SV.

### Tài liệu tham khảo

- Archambault, R. D. (2012). *John Dewey về giáo dục* (Phạm Anh Tuấn dịch). NXB Trẻ.
- Ban Chấp hành Trung ương (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
- Betihavas, V., Bridgman, H., Kornhaber, R., & Cross, M. (2016). The evidence for ‘flipping out’: A systematic review of the flipped classroom in nursing education. *Nurse Education Today*, 38, 15-21. <https://doi.org/10.1016/j.nedt.2015.12.010>
- Bishop, J. L., & Verleger, M. A. (2013). The Flipped Classroom: A Survey of the Research. *ASEE National Conference Proceedings*, 30(9), 1-18. <https://doi.org/10.18260/1-2--22585>
- Bergmann, J., & Sams, A. (2012). *Flip your classroom: Reach every student in every class every day*. Washington, DC: International Society for Technology in Education.
- Baker, J. W. (2000). The “classroom flip”: Using web course management tools to become the guide by the side. In J. A. Chambers (Ed.), *Selected papers from the 11th International Conference on College Teaching and Learning* (pp. 9-17). Florida Community College at Jacksonville.
- Bộ GD-ĐT (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể* (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- Brameld, T. (1955). *Toward a reconstructed philosophy of education*. Dryden Press.
- Broudy, H. S. (1961). *Building a philosophy of education*. Prentice-Hall.
- Butler, J. D. (1968). *Four philosophies and their practice in education and religion* (3rd ed.). Harper & Row.
- Dewey, J. (1921). *Reconstruction in philosophy*. University of London Press.
- Dewey, J. (1938). *Experience and Education* (Phạm Anh Tuấn dịch). Macmillan.
- Dewey, J. (2008). *Dân chủ và giáo dục* (Phạm Anh Tuấn dịch). NXB Tri thức.
- Dewey, J. (2012). *Kinh nghiệm và giáo dục*. NXB Trẻ.
- Dewey, J. (2016). *Cách ta nghĩ* (Vũ Đức Anh dịch). NXB Tri thức.
- Doãn Ngọc Anh (2019). *Dạy học môn Giáo dục học cho sinh viên đại học sư phạm theo tiếp cận trải nghiệm*. Luận án tiến sĩ Khoa học giáo dục, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
- Đỗ Tùng, Hoàng Công Kiên (2020). Áp dụng mô hình lớp học đảo ngược trong dạy học trực tuyến tại Trường Đại học Hùng Vương. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Trường Đại học Hùng Vương*, 19(2), 37-45.
- Đặng Ánh Hồng, Nguyễn Thị Thảo Anh, Nguyễn Đức Thanh và Nguyễn Tuấn Kiệt (2023). Thử nghiệm câu hỏi trắc nghiệm khách quan cho học phần Giáo dục học tại Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, 21(1), 1-10. [https://doi.org/10.54607/hcmue.js.21.1.4017\(2024\)](https://doi.org/10.54607/hcmue.js.21.1.4017(2024))
- Ettien, A. (2023). *Theoretical Foundations of the Flipped Classroom*. IGI Global.
- Kolb, D. A. (1984). *Experiential learning: experience as the source of learning and development*. Prentice - Hall.
- King, A. (1993). From sage on the stage to guide on the side. *College Teaching*, 41(1), 30-35. <https://doi.org/10.1080/87567555.1993.9926781>
- Lee, J., & Park, H. K. (2016). A Study on cases for application of flipped learning in K-12 education. *Journal of Digital Convergence*, 14(8), 19-36. <https://doi.org/10.14400/jdc.2016.14.8.19>
- Nguyễn Hoàng Đoàn Huy, Bùi Thanh Diệu (2017). Định hướng vận dụng lý thuyết học tập trải nghiệm vào dạy các môn khoa học tự nhiên. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, 62(1A), 39-47. <https://doi.org/10.18173/2354-1075.2017-0028>

- Nguyễn Thị Hằng (2017). Lí thuyết học tập trải nghiệm - Những vấn đề lí luận cơ bản và định hướng vận dụng vào tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, 62(1A), 48-57. <https://doi.org/10.18173/2354-1075.2017-0029>
- O'Flaherty, J., & Phillips, C. (2015). The use of flipped classrooms in higher education: A scoping review. *The Internet and Higher Education*, 25, 85-95. <https://doi.org/10.1016/j.iheduc.2015.02.002>
- Phan Trọng Ngọc, Lê Minh Nguyệt (2018). Lí thuyết về kinh nghiệm của J. Dewey và vận dụng vào dạy học trong bối cảnh đổi mới giáo dục. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 03, 9-15.
- Phạm Thị Huyền (2022). Áp dụng mô hình dạy học đảo ngược trong giảng dạy các học phần lí thuyết ở trường đại học. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 18(S3), 36-38. <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12220306>
- Phạm Hoàng Khánh Linh, Phạm Hoàng Tú Linh (2022). Một số mô hình lí thuyết về lớp học đảo ngược. *Tạp chí Quản lí Giáo dục*, 14 (8), 45-52. <http://doi.org/10.53750/jem22.v14.n8.21>
- Rusk, R. R. (1956). *Philosophical basis of education*. University of London Press.
- Stoller, A. (2015). The Flipped Curriculum: Dewey's Pragmatic University. *Journal of Curriculum Studies*, 47(3), 351-367. <https://doi.org/10.1080/00220272.2014.881927>
- Tune, J. D., Sturek, M., & Basile, D. P. (2013). Flipped classroom model improves graduate student performance in cardiovascular, respiratory, and renal physiology. *Advances in Physiology Education*, 37(4), 316-320. <https://doi.org/10.1152/advan.00091.2013>
- Trần Thị Tuyết Oanh (chủ biên), Phạm Khắc Chương, Nguyễn Ngọc Bảo, Bùi Minh Hiền, Phạm Việt Vương (2011). *Giáo dục học* (tập 1). NXB Đại học Sư phạm.
- Thái Duy Tuyên (2010). *Phương pháp dạy học - truyền thống và đổi mới*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Wild, J. (1955). Education and human society: A realistic view. In *Modern philosophies and education, National Society for the Study of Education, Fifty-fourth Yearbook, Part I*. University of Chicago Press.